

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Kiên Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-ĐHKG ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định khối lượng và cấu trúc chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng;

Xét Đề nghị của Ban chỉ đạo công tác soạn thảo, rà soát và xây dựng các chương trình đào tạo trình độ đại học định hướng ứng dụng;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục gồm 22 Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng (Danh mục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Chương trình đào tạo được ban hành áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 (Khóa 09) tại Trường Đại học Kiên Giang.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các Khoa, các đơn vị thuộc, trực thuộc trường, người học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (qua mail trường);
- Lưu: VT, ĐT (5b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành



DANH MỤC

Các Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
tại Trường Đại học Kiên Giang

Stt	Tên chương trình	Trình độ	Khoa quản lý	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Đại học	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đại học		
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Đại học		
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đại học	Khoa Tài nguyên - Môi trường	
5	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đại học		
6	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Khoa Ngoại Ngữ	
7	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	Đại học	Khoa Sư phạm và Xã hội nhân văn	
8	Du lịch	Đại học		
9	Sư phạm toán học	Đại học		
10	Giáo dục tiểu học	Đại học		
11	Luật	Đại học		
12	Kế toán	Đại học	Khoa Kinh tế	
13	Quản trị kinh doanh	Đại học		
14	Tài chính - ngân hàng	Đại học		
15	Kinh doanh quốc tế	Đại học		
16	Công nghệ thực phẩm	Đại học	Khoa Khoa học Thực phẩm và Sức khỏe	
17	Công nghệ sinh học	Đại học	Khoa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
18	Nuôi trồng thủy sản	Đại học		
19	Khoa học cây trồng	Đại học		
20	Chăn nuôi	Đại học		
21	Kinh doanh nông nghiệp	Đại học		
22	Công nghệ thông tin	Đại học	Khoa Thông tin và Truyền thông	

Danh sách gồm 22 chương trình./.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 84/QĐ-ĐHKG ngày 28 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: **KẾ TOÁN (ACCOUNTING)**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành: 7340301

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên bậc cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược; biết tổ chức và điều hành công tác Kế toán tại hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các tổ chức tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng, và tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;
- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;
- PO3: Hiểu và vận dụng các kiến thức kế toán chuyên ngành (Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Hệ thống thông tin kế toán, Kiểm toán,...), đủ khả năng thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp, và các tổ chức kinh tế- xã hội khác trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;
- PO5: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PO6: Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào công tác thực tế (thực hiện các phần hành kế toán tài chính, tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, đọc báo cáo tài chính, sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, ...) tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

1.2.3 Về thái độ:

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;
- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Kiến thức

- PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành kế toán;
- PLO2: Áp dụng được kiến thức về quản trị, tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, nguyên lý kinh tế để hỗ trợ cho công tác chuyên môn kế toán, và làm nền tảng nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành kế toán. Áp dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- PLO3: Hiểu và vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và thực hiện yêu cầu công việc kế toán;
- PLO4: Ghi nhớ các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, phương pháp kế toán và chế độ kế toán, chính sách kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp và các tổ chức

liên quan. Đối chiếu các nghiên cứu, kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán, kiểm toán tài chính của các nước trên thế giới để vận dụng cụ thể tại Việt Nam;

- PLO5: Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên ngành về kế toán để thiết kế, điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; nghiên cứu và đề xuất được các giải pháp tư vấn, giải quyết những vấn đề còn tồn tại.

2.2 Kỹ năng

- PLO6: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;

- PLO7: Thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ kế toán cơ bản, đánh giá đúng các nghiệp vụ kinh tế, tài chính tiến hành ghi sổ; Trình bày báo cáo công tác nghiệp vụ, lập báo cáo kế toán, tài chính chuẩn xác, khách quan;

- PLO8: Thiết kế điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán. Hỗ trợ, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác;

- PLO9: Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán và các phần mềm ứng dụng để xử lý các dữ liệu về kế toán tài chính và công tác văn phòng. Phản biện, sử dụng giải pháp thay thế đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh tế và công nghệ thông tin;

- PLO10: Phân tích báo cáo kế toán quản trị và kế toán tài chính để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán. Từ đó, đánh giá chất lượng công việc kế toán đã hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của kế toán viên;

- PLO11: Truyền đạt vấn đề và giải pháp xử lý các công việc liên quan đến công tác kế toán tới những đối tượng có liên quan.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;

- PLO13: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi;

- PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc;

- PLO15: Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x											x			
PO2	x		x		x	x									
PO3		x		x	x		x	x	x	x	x		x	x	x
PO4	x											x	x	x	
PO5			x			x			x		x		x		
PO6		x		x	x		x	x	x	x			x	x	x
PO7	x					x						x	x		
PO8		x		x	x			x			x		x	x	x

Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1	x	x						x				x			
PLO2	x	x			x	x						x		x	
PLO3			x			x		x				x			
PLO4	x		x			x			x			x		x	
PLO5	x		x	x	x	x	x		x			x	x		x
PLO6		x	x								x	x	x		
PLO7	x				x	x		x	x	x		x		x	
PLO8				x	x	x	x			x		x	x		
PLO9			x		x	x		x						x	x
PLO10				x		x			x			x		x	
PLO11				x						x					x
PLO12		x				x						x			
PLO13					x	x						x			
PLO14				x			x						x		
PLO15	x						x			x				x	x

✓

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	- Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	72	21
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	36	30	6
2.2	Kiến thức chuyên ngành	47	42	5
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng		121	96	25

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880
 881
 882
 883
 884
 885
 886
 887
 888
 889
 890
 891
 892
 893
 894
 895
 896
 897
 898
 899
 900
 901
 902
 903
 904
 905
 906
 907
 908
 909
 910
 911
 912
 913
 914
 915
 916
 917
 918
 919
 920
 921
 922
 923
 924
 925
 926
 927
 928
 929
 930
 931
 932
 933
 934
 935
 936
 937
 938
 939
 940
 941
 942
 943
 944
 945
 946
 947
 948
 949
 950
 951
 952
 953
 954
 955
 956
 957
 958
 959
 960
 961
 962
 963
 964
 965
 966
 967
 968
 969
 970
 971
 972
 973
 974
 975
 976
 977
 978
 979
 980
 981
 982
 983
 984
 985
 986
 987
 988
 989
 990
 991
 992
 993
 994
 995
 996
 997
 998
 999
 1000

Bảng 4. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
				Kiến thức								Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%																	
1	Kiến thức cơ sở ngành	36	29,7%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2	Kiến thức chuyên ngành	47	38,8%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc tương đương)	10	8,4%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
Tổng cộng		121	100%																	

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1. Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37		8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21		9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24		6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22		8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21		9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21		9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30		60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15		15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21		24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21		24	45
1.2. Kiến thức bắt buộc (không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1		30		30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1		30		30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1		30		30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30			30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16		30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60		60
1.3. Kiến thức tự chọn			4				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30		45
19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30		45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30		45
21	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30		45

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			36		-		
22	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		15	45
23	A25045	Toán kinh tế	2	15		15	30
24	B26008	Quản trị học	3	30		15	45
25	B26005	Marketing căn bản	3	30		15	45
26	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30		45
27	B26001	Kinh tế vi mô	3	30		15	45
28	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30		15	45
29	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30		15	45
30	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30		15	45
31	B26100	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	30		15	45
32	B26101	Tài chính doanh nghiệp	3	30		15	45
		Kiến thức tự chọn 1	3				
33	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	30		15	45
34	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30		60
35	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30		15	45
36	B26011	Thống kê doanh nghiệp	3	30		15	45
37	B26062	Kinh tế lượng	3	30	30		60
		Kiến thức tự chọn 2	2				
38	B26018	Thị trường chứng khoán	2	15	30		45
39	B27079	Thương mại điện tử	2	15	30		45
40	B26032	Luật kinh tế	2	15		15	30
41	B26061	Quản trị nguồn nhân lực	2	15	0	15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
42	B28019	Khởi sự doanh nghiệp	2	15	30	0	45
2.2. Kiến thức chuyên ngành			47				
43	B26014	Thuế	3	30	0	15	45
44	B27001	Kế toán tài chính 1	3	30	0	15	45
45	B27002	Kế toán tài chính 2	3	30	0	15	45
46	B27003	Kế toán tài chính 3	3	30	0	15	45
47	B27004	Kế toán tài chính 4	3	30	0	15	45
48	B27021	Luật kế toán	2	15	0	15	30
49	B27088	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	30	30	0	60
50	B27089	Hệ thống thông tin kế toán 2	4	30	60	0	90
51	B27015	Kiểm toán căn bản	3	30	0	15	45
52	B27005	Kế toán chi phí	3	30	0	15	45
53	B27006	Kế toán quản trị	3	30	0	15	45
54	B27016	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	30	0	15	45
55	B27132	Kế toán và khai báo thuế	3	15	60	0	75
56	B27150	Thực tập ngành nghề	4	0	180	0	180
		Kiến thức tự chọn 1	3				
57	B28005	Kế toán ngân hàng	3	30	0	15	45
58	B27086	Kế toán xây dựng	3	30	0	15	45
		Kiến thức tự chọn 2	2				
59	B28003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	15	0	15	30
60	B27133	Kế toán dịch vụ du lịch	2	15	0	15	30
2.3. Khóa luận tốt nghiệp			10				
61	B28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	450	0	450
		<i>Hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					
62	B28006	Kiểm toán nâng cao	3	30	0	15	45
63	B28004	Kế toán quốc tế	2	25	0	5	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
64	B28013	Kiểm soát nội bộ	2	20		10	30
65	B27033	Phân tích báo cáo tài chính	3	30	30		60

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành